TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20/9/2019, về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C -TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Ông **Trương Văn Vương**

Các Hội thẩm nhân dân *:*

1. Ông **Huỳnh Dư**
2. Bà **Phan Thị Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy Triều** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc Thảo N** – sinh năm 1993.
Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Đ, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.
Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố T, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

Bị đơn: Anh **Phạm Hồng H** - sinh năm 1984.
Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa.
Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố T, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về yêu cầu ly hôn ngày 27/5/2019, bản tự khai ngày 12/6/2019, biên bản hòa giải ngày 21/8/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Thảo N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Thảo N và anh Phạm Hồng H tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã C, huyện C1, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 116, quyển số 02/2012 ngày 17/10/2012.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn vợ chồng chị N và anh H sống tại tổ dân phố T, phường C, TP C1, tỉnh K. Thời gian đầu vợ chồng chị sống với nhau hòa thuận hạnh phúc, nhưng từ năm 2017 vợ chồng chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Từ đầu năm 2019 đến nay vợ chồng chị đã ly thân và không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nay chị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Hồng H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phạm Gia H - sinh ngày 07/3/2013. Vợ chồng ly hôn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Phạm Gia H cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; các khoản nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 26/7/2019; biên bản hòa giải ngày 21/8/2019 bị đơn anh Phạm Hồng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hồng H trình bày quá trình kết hôn, chung sống đúng như chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống với nhau hòa thuận hạnh phúc, nhưng từ tháng 01 năm 2019 vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, lời nói chưa hiểu hết ý nhau. anh H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn được, bản thân anh H vẫn còn yêu thương vợ con. Vì vậy anh H đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Phạm Gia H - sinh ngày 07/3/2013 đúng như chị N đã trình bày. Do anh H làm nghề lái xe có thu nhập bình quân 20.000.000 đồng/tháng, vợ chồng ly hôn, anh H yêu cầu Toà án giao cháu H cho anh được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; các khoản nợ chung: Không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C1:

- Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Thảo N đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng bị đơn anh Phạm Hồng H đã vi phạm quy định về nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Điều 72 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về hướng giải quyết toàn bộ vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Thảo N được ly hôn anh Phạm Hồng H.

Về con chung: Giao cháu Phạm Gia H - sinh ngày 07/3/2013 cho chị Nguyễn Ngọc Thảo N được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh của cháu Phạm Gia H, bản sao chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Ngọc Thảo N, bản phô tô chứng minh nhân dân của anh Phạm Hồng H, bản phô tô sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị Minh N, bản sao sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Phạm Văn T, đơn xin xác nhận tạm trú.

Ngày 14/8/2019 Tòa án nhân dân thành phố C tiến hành xác minh về việc tình trạng hôn nhân gia đình của vợ chồng chị Nguyễn Ngọc Thảo N tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Ngọc Thảo N yêu cầu tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa giải quyết về ly hôn đối với anh Phạm Hồng H, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh anh Phạm Hồng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng anh H vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Hồng H.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Thảo N và anh Phạm Hồng H tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã C, huyện C1, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 116, quyển số 02/2012 ngày 17/10/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau, không thể hòa giải được. Mặt khác, khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng không có thời gian gần gũi, cùng nhau tìm ra biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà mỗi người sống một nơi, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Hồng H.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N kiên quyết yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn là hoàn toàn có cơ sở và cần được chấp nhận. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Thảo N.

Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc Thảo N và anh Phạm Hồng H có 01 con chung là cháu Phạm Gia H - sinh ngày 07/3/2013, chị N yêu cầu Tòa án giao cháu Phạm Gia H cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H yêu cầu Toà án giao cháu H cho anh được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc giao con chưa thành niên cho người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nhằm để con phát triển tốt về thể chất và tinh thần, chị N có thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng 7.000.000 đồng/tháng; hiện nay cháu H còn nhỏ, chưa đủ 7 tuổi, lại đang được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ; do tính chất công việc anh H làm nghề lái xe đông lạnh, mỗi chuyến đi từ 2-3 ngày, như vậy không đảm bảo thời gian chăm sóc cháu H một cách tốt nhất; như vậy yêu cầu nuôi con chung của chị N phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc Thảo N và anh Phạm Hồng H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] *Về án phí:* Chị Nguyễn Ngọc Thảo N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Ngọc Thảo N được ly hôn anh Phạm Hồng H.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Phạm Gia H - sinh ngày 07/3/2013 cho chị Nguyễn Ngọc Thảo N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3]. *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Ngọc Thảo N và anh Phạm Hồng H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] . *Về án phí*: Chị Nguyễn Ngọc Thảo N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000443 ngày 30/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Nguyễn Ngọc Thảo N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. *Quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Ngọc Thảo N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Phạm Hồng H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND TP C;*
- *THADS TP C;*
- *UBND xã C,*
 huyện C1, tỉnh K;
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Vương